| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 225/2026/HS-PT
Ngày: 23/3/2026

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng;
*Các Thẩm phán*: Ông Đặng Văn Hưng;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:*** Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 818/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025, do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 787/2025/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: Hà Huy D, sinh ngày: 01/8/1970 tại Hà Nam; giới tính: Nam; số VneID: 001070008936; đăng ký thường trú: Số A Tập thể Bệnh viện Tâm thần TW1, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); trú tại: Số B ngõ F G, phường G, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng khoa Điều trị bắt buộc, Bệnh viện T10; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 136/QĐ/UBKTHU ngày 21/6/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T11, thành phố Hà Nội; họ tên bố: Hà Văn H; họ tên mẹ: Nghiêm Thị N; họ tên vợ: Tạ Thị B, sinh năm: 1971; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 25/6/2013 bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi sử dụng vũ khí công cụ hỗ trợ trái phép; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Hồng Q và Luật sư Vi Thị Minh H1 - Công ty L4, Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Quyết T, sinh ngày: 12/01/1991 tại Hà Nội; giới tính: Nam; số VneID: 001091044985; đăng ký thường trú và trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã P, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Bác sỹ, nguyên Phó Trưởng khoa Điều trị bắt buộc, Bệnh viện T10; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 159-QĐ/UBKTHU ngày 04/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy T11, thành phố Hà Nội; họ tên bố: Vũ Văn S; họ tên mẹ: Tạ Thị N1; họ tên vợ: Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1990; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2025 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Khắc T1 - Văn phòng L5, Đoàn Luật sư thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Họ và tên: Trịnh Trọng P, sinh ngày: 06/10/1974 tại Hà Nội; giới tính: Nam; số VneID: 001074045890; đăng ký thường trú và trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; họ tên bố Trịnh Trọng H3; họ tên mẹ: Lưu Thị Q1; họ tên vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2013; nhân thân: Bản án số 708/HS-ST ngày 19/8/1995 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Đánh bạc"; Bản án hình sự sơ thẩm số 474/19969/HS-ST ngày 10/9/1996 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 708/HS-ST ngày 19/8/1995 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 34 tháng tù; Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2006/HS-ST ngày 19/4/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Đánh bạc"; Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2009/HS-ST ngày 30/6/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt tại Bản án số 57/2006/HS-ST ngày 19/4/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 60 tháng; Bản án hình sự phúc thẩm số 655/2009/HSPT ngày 01/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2006/HS-ST ngày 19/4/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù (ngày 30/8/2010, được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đặc xá miễn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án phạt tù được hoãn chấp hành hình phạt tù số 22/GCNĐX); tiền án, tiền sự: Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2021/HS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội "Đánh bạc"; Ngày 22/7/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ khởi tố bị can về tội "Đánh bạc"; ngày 16/02/2022 bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông

Anh ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T12 và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-VKS ngày 14/5/2025; Bản án số 28/2025/HS-ST ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hà Nội xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp với hình phạt của Bản án số 145/HS-ST ngày 25/6/2021 của Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội "Đánh bạc", buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 44 (bốn mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến ngày 08/01/2021 và thời gian bị áp dụng bắt buộc chữa bệnh từ ngày 16/02/2022 đến ngày 25/4/2025; bị bắt tạm giam từ ngày 29/11/2024 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trịnh Đức T2 và Luật sư Đinh Thị Mai H4 - Văn phòng L6, Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

4. Họ và tên: Thái H5 (tên gọi khác: Tony T3), sinh ngày: 20/7/1980 tại Nghệ An; giới tính: Nam; số VneID: 017080000085; đăng ký thường trú: Tổ A, phường V, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội); trú tại: P, K, khu đô thị V, phường G, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; họ tên bố: Thái Văn P1 sinh năm 1953; họ tên mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; họ tên vợ: Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1984; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Ngày 29/10/2015 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C2 khởi tố bị can về tội "Buôn lậu", ngày 29/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định số 618/QĐ-VKSTC-V3 áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T13, ngày 10/01/2024 Bệnh viện T13 tiếp nhận; bị bắt tạm giam từ ngày 19/02/2025 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Hải L1 - Công ty L7, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn T5, sinh ngày: 21/4/1984 tại Hải Dương; giới tính: Nam; số VneID: 030084012660; đăng ký thường trú và trú tại: Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, thành phố Hải Phòng); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Tự do; đảng phái, đoàn thể: Không; họ tên bố: Nguyễn Văn S1; họ tên mẹ: Trần Thị M (đã chết); họ tên vợ: Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1986; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2011/HS-ST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 28/5/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định thi hành án, từ tháng 11/2012 đến tháng 7/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định Tạm hoãn thi hành án (mỗi năm 01 lần) vì lý do chữa bệnh, ngày 28/12/2023 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 01/2023/QĐ-CA áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T13,

ngày 09/01/2024 Bệnh viện T13 tiếp nhận để chữa bệnh; bị bắt tạm giam từ ngày 19/02/2025 đến nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; có mặt.

*- Trong vụ án còn có 07 bị cáo khác và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập tham gia phiên toà.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Qua công tác quản lý địa bàn, ngày 07/12/2023, Phòng An ninh Chính trị nội bộ - Công an thành phố H phát hiện Hoàng Lại N2 là người bị áp dụng biện pháp "*Bắt buộc chữa bệnh*" tại Khoa Điều trị bắt buộc, Bệnh viện T13 (viết tắt là: K1) ra khỏi khu vực điều trị trái quy định. Ngoài ra, còn phát hiện Bác sỹ, cán bộ Khoa ĐTBB-BVTTTW1 thường xuyên cho bệnh nhân "*Bắt buộc chữa bệnh*" ra ngoài không đúng quy định. Quá trình điều tra xác định:

*1. Hành vi "Nhận hối lộ":*

Khoa ĐTBB-BVTTTW1 có chức năng, nhiệm vụ điều trị cho các bệnh nhân là đối tượng bị áp dụng biện pháp tư pháp "Bắt buộc chữa bệnh" của các cơ quan tố tụng. Theo quy định tại Nghị định số 64/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp BBCB và Quyết định 5091/QĐ-BYT ngày 07/12/2020 của Bộ Y thì bệnh nhân BBCB phải được kiểm soát chặt chẽ, trong quá trình điều trị, không để người bệnh được ra khỏi khu vực điều trị.

Hà Huy D (viết tắt là: D) là bác sỹ, được giao phụ trách Khoa ĐTBB-BVTTTW1 từ tháng 8/2022 và được bổ nhiệm làm Trưởng khoa từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2024. Trong quá trình quản lý, điều trị cho các bệnh nhân "Bắt buộc chữa bệnh", D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp nhận tiền từ 16 bệnh nhân hoặc từ người nhà của bệnh nhân với tổng số tiền 886.300.000 đồng để cho các bệnh nhân này ra khỏi khu vực điều trị bắt buộc Khoa ĐTBB-BVTTTW1 trái quy định, cụ thể:

1.1. Nhận 20.000.000 đồng của Cao Xuân H6 (viết tắt là: H6) 01 lần vào ngày 06/9/2023 từ tài khoản số 102975399999 của H6 tại Ngân hàng V1 vào tài khoản số 212100412 của D tại Ngân hàng V2.

1.2. Nhận 116.000.000 đồng của Trịnh Trọng P (viết tắt là: P) 12 lần, trong thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024 từ tài khoản số 103362959999 của P tại Ngân hàng V1 đến các tài khoản ngân hàng do D sử dụng, gồm: Tài khoản số 212100412 tại Ngân hàng V2; Tài khoản số 19034460435016 tại Ngân hàng T14 và các tài khoản đứng tên Hà Anh D1 (con trai của D), gồm: Tài khoản số 7777966668888 tại Ngân hàng M3; Tài khoản số 1039842190 tại Ngân hàng V3, trong đó D là người trực tiếp sử dụng tài khoản số 1039842190 của Ngân hàng V3 mang tên Hà Anh D1.

1.3. Nhận 110.000.000 đồng của bệnh nhân Hà Trung Đ (viết tắt là: Đ) 12 lần, trong thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2024 từ tài khoản số

108867594771 của Đ tại V1 Chi nhánh H10 đến các tài khoản ngân hàng mang tên D và Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.4. Nhận 82.000.000 đồng của Nguyễn Tiến Q2 (viết tắt là: Quyết) 09 lần, trong thời gian tháng từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2024 từ tài khoản số 098681599999 của Q2 mở tại Ngân hàng M3 đến các tài khoản ngân hàng mang tên D và Hà Anh D1 do D sử dụng, trong đó có số tiền 10.000.000 đồng Q2 nhờ vợ là Nguyễn Vân A chuyển khoản vào tài khoản mang tên Hà Anh D1 nhưng Q2 nói dối là để chi tiêu, ăn uống.

1.5. Nhận 30.000.000 đồng của Chu Đình T6 (viết tắt là: T6) 03 lần, trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023 từ tài khoản số 8198388888888 của Thực tại Ngân hàng M3 đến các tài khoản ngân hàng mang tên D và Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.6. Nhận 20.000.000 đồng của bị cáo Hoàng Lại N2 (viết tắt là: Nam) dưới hình thức tiền mặt 01 lần.

1.7. Nhận 10.000.000 đồng của bệnh nhân Trần Ngọc A1 (viết tắt là: A1) 01 lần, từ tài khoản số 160416239 của A1 mở tại Ngân hàng TMCP Á đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.8. Nhận 10.000.000 đồng của bệnh nhân Trần Hữu H7 (viết tắt là: H7) 01 lần, từ tài khoản số 107867984995 của H7 mở tại Ngân hàng TMCP C3 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng và 25.000.000 đồng H7 nhờ Phạm Trà M1, nguyên là điều dưỡng tại Khoa Điều trị bắt buộc chuyển khoản cho D.

1.9. Nhận 13.000.000 đồng của bệnh nhân Nguyễn Mạnh T7 (viết tắt là: Trường) 01 lần, từ tài khoản số 0011003677941 của T7 mở tại Ngân hàng V3 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.10. Nhận 20.000.000 đồng của Vũ Mạnh C (viết tắt là: C) 02 lần, từ tài khoản số 16001012459999 của C mở tại Ngân hàng TMCP H11 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.11. Nhận 109.000.000 của Đặng Ngọc Đ1 (viết tắt là: Đ1) 12 lần, từ tài khoản số 0866135279 của Đ1 mở tại Ngân hàng M3 đến tài khoản ngân hàng mang tên D và Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.12. Nhận 113.000.000 đồng của bệnh nhân Lê Văn H8 (viết tắt là: Lê Hiếu) 07 lần, từ tài khoản số 285555555 của Lê H8 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q3 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.13. Nhận 30.000.000 đồng của Thái H5 02 lần, từ tài khoản số 0984228888 của Thái H5 tại Ngân hàng M3 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.14. Nhận 90.800.000 đồng của Nguyễn Văn K (viết tắt là: K) 11 lần, từ tài khoản số 3388888288888 của K tại Ngân hàng M3 đến tài khoản ngân hàng mang tên D và Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.15. Nhận 52.000.000 đồng của bệnh nhân Lương Hải L3 (viết tắt là: L3) 05 lần, từ tài khoản số 103000973637 của L3 tại Ngân hàng P2 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

1.16. Nhận 25.500.000 đồng của Nguyễn Văn T5 (viết tắt là: Thao) 02 lần, từ tài khoản số 326638888888 của T5 tại Ngân hàng P2 đến tài khoản ngân hàng mang tên Hà Anh D1 (do D sử dụng).

D khai: Khi nhận công tác tại Khoa Điều trị bắt buộc, biết có sự việc bác sỹ, nhân viên của khoa nhận tiền của đối tượng "Bắt buộc chữa bệnh" để cho các đối tượng này ra ngoài khu vực điều trị tại Khoa ĐTBB-BVTTTW1 trái quy định. Để được ra ngoài thì bệnh nhân sẽ đưa tiền cho D hoặc cho Vũ Quyết T (viết tắt là: T) - Phó Trưởng khoa hoặc Bùi Ngân H9 - Điều dưỡng trưởng Khoa ĐTBB-BVTTTW1. T và H9 trực tiếp nhận tiền mặt của bệnh nhân, còn D do không tiếp xúc trực tiếp nên các bệnh nhân đưa tiền cho D bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân do D chỉ định. Từ khoảng đầu năm 2023 đến khoảng đầu năm 2024, trung bình hàng tháng D, T, H9 sẽ nhận được của các bệnh nhân "Bắt buộc chữa bệnh" tổng là khoảng 200 triệu đồng. Số tiền này được sử dụng như sau: Chia cho D, H9, T mỗi người/20 triệu đồng/tháng; chia cho khoảng 30 nhân viên của khoa mỗi người/3 - 4 triệu đồng/1 tháng (do T hoặc H9 đưa nhưng không có chứng từ); biếu Giám đốc bệnh viện N3 - 40 triệu đồng/1 lần, Phó Giám đốc bệnh viện N4 - 10 triệu đồng/lần, Nguyễn Đoàn M2 - Phó Phòng Kế hoạch Tổng hợp khoảng 5 - 10 triệu đồng/lần vào các dịp lễ tết và chi phí các việc khác của khoa (do D đưa). Theo tính toán của D thì D, T và Bùi Ngân H9 được chia hưởng lợi hơn 300 triệu đồng, các nhân viên của khoa và Phó phòng Kế hoạch tổng hợp được chia hưởng lợi 50 triệu đồng; Giám đốc Bệnh viện T10 được chia hơn 200 triệu đồng; Phó Giám đốc Bệnh viện được chia 100 triệu đồng. Việc nhận và chi tiền nói trên không ghi chép lại, không có tài liệu chứng minh, do việc nhận tiền không đồng đều nên sau khi tính toán phần chênh thì sẽ chuyển lại theo cách chia nêu trên. Vì vậy, trong thời gian từ đầu năm 2023 đến đầu năm 2024, D đã chuyển vào tài khoản cá nhân của T số tiền 335 triệu đồng, Bùi Ngân H9 316,7 triệu đồng. Quá trình điều tra D tự nguyện giao nộp số tiền nhận hối lộ 30 triệu đồng.

T khai: Từ tháng 3/2023 được bổ nhiệm là Phó trưởng Khoa ĐTBB-BVTTTW1 và quản lý 30 bệnh nhân. Về số tiền 40 triệu đồng do Q2 chuyển vào tài khoản cá nhân của T là tiền Q2 nhờ mua xe cho vợ, sau khi không mua được xe thì T đã trả cho mẹ Q2 số tiền này. T không nhận tiền của bệnh nhân và không được D chia tiền hàng tháng, giữa T và D có quan hệ vay mượn tiền, trao đổi giữa tiền mặt và chuyển khoản. T thừa nhận có đánh máy các biên bản sự việc bệnh nhân Nam trốn viện ngày 07/12/2023 trong khi biết N2 đã ra khỏi viện từ trước là do trưởng khoa chỉ đạo và cũng và trách nhiệm chung của khoa. Ngày 21.01.2024, H6 trong thời gian giải quyết việc thăm gặp vợ đã bỏ trốn ra ngoài, T không cho H6 ra ngoài trái quy định.

*2. Hành vi "Đưa hối lộ":*

Hành vi đưa hối lộ cho D của 16 bệnh nhân "Bắt buộc chữa bệnh" nêu trên đều với mục đích để được D - Trưởng khoa Điều trị bắt buộc cho ra ngoài khu

vực điều trị trái quy định. Trong đó: Bệnh nhân H6 khi được ra ngoài đã thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố L khởi tố bị can, bắt tạm giam vào tháng 01/2024. Bệnh nhân T6 đã thực hiện hành vi "Đánh bạc" vào ngày 11/11/2023 và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T khởi tố bị can. Bệnh nhân N2 đã nhiều lần xuất cảnh ra nước ngoài. Thực tế trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trực tiếp đến Khoa Điều trị bắt buộc để điểm danh các bệnh nhân bắt buộc chữa bệnh, kết quả: Ngày 22/11/2024 toàn bộ bệnh nhân "Bắt buộc chữa bệnh" đều không có mặt tại khu vực điều trị bắt buộc. Các ngày 25/11/2024, 02 và 05/12/2024, ngày 02 và 08/01/2025 thì các bệnh nhân Lê H8, H8, L3, A1, Đ1 không có mặt tại khu vực điều trị.

Quyết, P, T6, H6, Thái H5, K, N2, C, Đ1 và T5 khai nhận toàn bộ hành vi đưa hối lộ cho D để được D chỉ đạo khoa tạo điều kiện cho ra ngoài để giải quyết việc riêng cá nhân.

Các Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 119 ngày 15/7/2025 (Quyết), số 122 ngày 15/7/2025 (P), số 123 ngày 16/7/2025 (Thực), số 124 ngày 16/7/2025 (Thái Huy), số 125 ngày 17/7/2025 (K), số 127 ngày 16/7/2025 (N5), số 128 ngày 17/7/2025 (C), số 129 ngày 17/7/2025 (Đ1), số 130 ngày 16/7/2025 (Thao) của V4 - Bộ Y kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu: *"Tại thời điểm phạm tội Hoàng Lại N2, Trịnh Trọng P,Chu Đình T6, Nguyễn Tiến Q2, Đặng Ngọc Đ1, Thái H5, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T5 đủ khả năng nhận thức, nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm phạm tội Vũ Mạnh C hạn chế khả năng nhận thức khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định (hiện tại) Hoàng Lại N2, Trịnh Trọng P, Chu Đình T6, Nguyễn Tiến Q2, Vũ Mạnh C, Đặng Ngọc Đ1, Thái H5, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T5 đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi"*.

Kết luận giám định số 98/KLGĐ Ngày 05/7/2024 của Trung tâm pháp y Tâm thần Khu vực miền núi phía Bắc ban hành kết luận giám định pháp y tâm thần đối với H6 cụ thể như sau: "*Tại thời điểm thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vào tháng 7, tháng 8/2023 trên địa bàn thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cao Xuân H6 bị bệnh Rối loạn cảm xúc thực tổn, giai đoạn ổn định. Cao Xuân H6 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (tại thời điểm giám định tháng 7/2024) Cao Xuân H6 bị bệnh Rối loạn cảm xúc thực tổn, giai đoạn ổn định. Cao Xuân H6 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi".*

*3. Hành vi phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" của Hoàng Lại N2:*

Trong quá trình thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với N2 vào chiều ngày 29/11/2024 tại căn hộ E Hoa P, V, phường P, quận L, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra còn phát hiện N2 có hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý". Cụ thể: Chiều ngày 29/11/2024 N2 gọi điện cho bác sỹ điều trị bệnh viêm gan C cho N2 là Nguyễn Hải D2 (viết tắt là: D2) nhờ đến nhà đọc kết quả xét nghiệm tổng thể do Bệnh viện M4 tiến hành, D2 đồng ý và gọi điện rủ Trần

Anh D3 là bệnh nhân do D2 điều trị và có quen N2. Sau khi đọc kết quả xét nghiệm thì N2 dẫn D2 và Trần Anh D3 xuống tầng hầm căn biệt thự, lúc đó trên bàn uống nước tầng hầm có đĩa sái thuốc phiện màu đen, N2 nói sái thuốc phiện của bố N2 dùng khi điều trị ung thư cho giảm đau để lại khi mất. Quá trình nói chuyện D2 và Trần Anh D3 tự ý lấy thuốc lá điếu mang theo quyệt vào sái thuốc phiện hút, Nam ngồi cùng biết nhưng không có ý kiến gì. Sau khi vừa hút xong điếu thuốc thì cơ quan Công an đến lập biên bản và thu giữ đồ vật, phương tiện dùng để sử dụng chất ma tuý, 21 viên kim loại màu vàng hình viên đạn.

Kết quả giám định số 8500/KL-KTHS ngày 12/12/2024 của Phòng K2 - C4 kết luận: "- *01 muôi kim loại mầu nâu đỏ, 01 muôi kim loại chuôi gỗ, 03 đầu tẩu hút, 01 đèn bát bằng kim loại màu vàng, 01 bát thủy tinh, 01 tẩu hút bằng tre dài 50 cm đều có dính thuốc phiện. - 01 hộp gỗ bên trong có: 02 cái dùi, 03 con dao, 01 cái kéo, 01 xylanh, 01 bật lửa và 02 que móc bằng kim loại đều có dính chất thuốc phiện. - Bột màu đen bên trong 01 bát sứ là thuốc phiện, khối lượng: 6,021 gam."*

Kết quả giám định số 9267/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K2 - C4 kết luận: *"21 viên kim loại màu vàng gửi giám định gồm có 01 viên đạn hơi cay và 20 viên đạn cao su, các viên đạn này thuộc loại công cụ hỗ trợ."*. Do đó, Cơ quan điều tra kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với N2 về hành vi tàng trữ 21 viên đạn thuộc công cụ hỗ trợ nêu trên. Đối với Trần Anh D3 và D2 là những người đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, Cơ quan điều tra đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

*4. Hành vi phạm tội "Không tố giác tội phạm"của Trần Thanh T8:*

Q2 là cháu gọi Trần Thanh T8 (viết tắt là: T8) là chú đồng thời có giai đoạn giúp việc kinh doanh cho T8, trong thời gian điều trị bắt buộc, Q2 có vài lần đến cửa hàng kinh doanh của T8 chơi. Khi Q2 biết được thông tin cơ quan công an đang tìm thì có ý định trốn và nói cho T8 biết, T8 nhờ bạn là Nguyễn Xuân D4 cho Q2 ở nhờ tại địa chỉ số A T, phường P, H, Hà Nội. Ngày 20/3/2025, khi biết rõ Q2 có lệnh truy nã về tội "Đưa hối lộ" thì T8 gọi điện thông báo cho Q2 biết nhưng không đưa Q2 ra đầu thú, không báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 08/8/2025, Cơ quan điều tra - Công an thành phố H đã ra Quyết định tách một số hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

*- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 787/2025/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:*

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Trịnh Trọng P, Thái H5 về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Văn T5 phạm tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hà Huy D 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2024.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Vũ Quyết T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2025.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; các điểm s, q, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trịnh Trọng P 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 44 (bốn mươi bốn) tháng tù theo quyết định của Bản án số 28/HSST ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 80 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2024 (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến ngày 08/01/2021 và thời gian bị áp dụng bắt buộc chữa bệnh từ ngày 16/02/2022 đến ngày 25/4/2025).

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; các điểm s, q, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Thái H5 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 364; các điểm s, q, t, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2025. Tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2011/HS-ST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2025 (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2011 đến ngày 26/5/2011).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 07 bị cáo khác, quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/11/2025 bị cáo Nguyễn Văn T5 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T13; ngày 25/11/2025 các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P có đơn kháng cáo và ngày 28/11/2025 bị cáo Thái H5 có đơn kháng cáo cùng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên toà phúc thẩm:***

*- Bị cáo Hà Huy D giữ nguyên kháng cáo và trình bày:*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng, không oan. Thực tế việc tạo điều kiện cho các bệnh nhân sinh hoạt đã có tiền lệ từ trước khi bị cáo đảm nhiệm công việc tại khoa; bị cáo không có hành vi ép buộc để được nhận tiền mà do các bệnh nhận tự nguyện đưa để nhờ tạo điều kiện trong sinh hoạt khi chữa bệnh; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã ghi nhận là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; số tiền bị cáo được hưởng lợi không nhiều và bị cáo đã nhờ gia đình nộp lại đầy đủ; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án; bản thân bị cáo trong quá trình làm việc được Giám đốc Bệnh viện T13 tặng Giấy khen; gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ đẻ và bố mẹ vợ được tặng thưởng nhiều huân huy chương của Nhà nước; sau khi bắt và bị xét xử bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; hiện nay bị cáo còn có cha mẹ đã già yếu, các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của bị cáo. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

*- Bị cáo Vũ Quyết T giữ nguyên kháng cáo và trình bày:*

Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bản thân bị cáo không trực tiếp nhận tiền của các bệnh nhân mà là người phạm tội với vai trò giúp sức; bị cáo là Bác sỹ chữa bệnh, không có chuyên môn sâu trong lĩnh vực áp dụng các biện pháp theo tố tụng hình sự nên nhận thức chưa được đầy đủ, dẫn đến phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã ghi nhận là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình nộp đầy đủ số tiền được hưởng lợi; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có nhiều người được tặng thưởng huân huy chương của Nhà nước; trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích, năm 2021 được Giám đốc Bệnh viện T13 và Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện T – thành phố Hà Nội tặng Giấy khen; hiện nay bị cáo còn có cha mẹ già yếu và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính nuôi sống gia đình; sau khi bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, trong quá trình làm việc tại Bệnh viện T13 bị cáo đi tăng cường, biệt phái làm nhiệm vụ chống dịch Covid 19 tại thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Y và Chủ tịch UBND thành phố H tặng Bằng khen nhưng tình tiết này chưa được bản án sơ thẩm xem xét, ghi nhận cho bị cáo. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt; cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội để bị cáo có điều kiện tiếp tục hành nghề Bác sỹ chữa bệnh, tiếp tục được góp phần công sức chăm sóc sức khoẻ nhân dân và xã hội.

*- Bị cáo Trịnh Trọng P giữ nguyên kháng cáo và trình bày:*

Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Do bị cáo chữa bệnh tại bệnh viện bị quản lý chặt và chỉ vì mong muốn cho bản thân đỡ mệt mỏi nên mới phạm tội và số tiền bị cáo phạm tội là không nhiều. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã ghi nhận là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án; bản thân

bị cáo bị nhược điểm thể chất, bị hạn chế về nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ được tặng thưởng nhiều huân huy chương của Nhà nước; sau khi bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo có nộp thêm Giấy khen của UBND xã V về việc có công trong công tác phòng chống dịch Covid 19 tại địa phương; nộp thêm tài liệu về việc gia đình có bác ruột có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương; ngoài ra bị cáo còn có cha mẹ già và các con còn nhỏ. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

*- Bị cáo Thái H5 giữ nguyên kháng cáo và trình bày:*

Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo rất ân hận với hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã ghi nhận là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án; bản thân bị cáo bị nhược điểm hạn chế về nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ được tặng thưởng huân huy chương của Nhà nước; quá trình sinh sống tại địa phương đã có công đóng góp cho phong trào phòng chống bão lụt; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra bị cáo còn có cha mẹ già và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

*- Bị cáo Nguyễn Văn T5 giữ nguyên kháng cáo và trình bày:*

Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo rất ân hận với hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã ghi nhận là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ vụ án; bản thân bị cáo bị nhược điểm hạn chế về nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, là thân nhân của gia đình Liệt sỹ, quá trình sinh sống tại địa phương đã có công đóng góp cho phong trào phòng chống dịch Covid 19, được UBND xã K tặng Giấy khen; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm nhưng không được biết đã thực hiện chưa; hiện tại bị cáo còn có cha mẹ già yếu và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra, bị cáo phạm tội trong thời gian đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nên xin Hội đồng xét xử xem xét trừ cho bị cáo. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt và xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giữ, tạm giam và thời gian bắt buộc chữa bệnh để trở về với gia đình và xã hội.

*- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sau khi phân tích các tình tiết và nội dung vụ án, có quan điểm:*

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo Hà

Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, T, Nguyễn Văn T5 là trong hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm một số bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định là có phần nhiêm khắc nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo: Hà Huy D từ 3 đến 4 năm tù, Vũ Quyết T khoảng 2 năm tù, các bị cáo Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5 từ 3 đến 6 tháng tù. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T5 có thời gian bị áp dụng biện pháp "Bắt buộc chữa bệnh" từ ngày 16/02/2022 đến ngày 29/11/2024 bị bắt tạm giam nên cần áp dụng các quy định về bắt buộc chữa bệnh tại Bộ luật Hình sự năm 1999 để trừ thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Huy D thống nhất trình bày:*

Về tội danh, khung hình phạt và đề xuất giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo các Luật sư nhất trí như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội. Tuy nhiên, xin Hội đồng xét xử xem xét thêm bị cáo chỉ có nghiệp vụ về ngành y, không có nghiệp vụ về các biện pháp tư pháp; trong quá trình làm nhiệm vụ bị cáo không ép buộc mà do các bị cáo khác tự nguyện đưa tiền; số tiền bị cáo được hưởng lợi là không nhiều và đã tự nguyện khắc phục đầy đủ; bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn; quá trình làm việc có thành tích xuất sắc, được Giám đốc Bệnh viện T13 tặng Giấy khen năm 2018; sau khi xét xử sơ thẩm đã nhờ gia đình nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là đã thể hiện sự chấp hành pháp luật. Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo với mức nhiều hơn mức mà đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị.

- *Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Trọng P thống nhất trình bày:*

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ và kết thúc vụ án; bản thân bị cáo bị nhược điểm về thể chất, hạn chế về nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có nhiều người được tặng thưởng các huân huy chương của Nhà nước; sau khi bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã có ý thức nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm, có nộp thêm Giấy khen của UBND xã V về việc bị cáo có công trong phòng chống dịch Covid 19 tại địa phương và tài liệu mới về việc gia đình có bác ruột có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương của Nhà nước; ngoài ra, hiện nay bị cáo còn có cha mẹ già yếu và các con còn nhỏ. Vì vậy, xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và xin xét xử bị cáo ở mức đầu khung hình phạt bị truy tố, xét xử để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Thái H5 trình bày:*

Về tội danh, khung hình phạt và đề xuất giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhất trí như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội. Xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền bị cáo phạm tội là không lớn; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án; bản thân bị cáo bị nhược điểm hạn chế về nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ được tặng thưởng huân huy chương của Nhà nước, hiện nay bố đẻ bị cáo đang bị di chứng chất độc hoá học; quá trình sinh sống tại địa phương đã có công đóng góp cho phong trào phòng chống bão lụt, bị cáo còn có công tham gia phong trào thiện nguyện Áo ấm được Hiệu trưởng Trường Mầm non S2, tỉnh Tuyên Quang xác nhận; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra bị cáo còn có cha mẹ già và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính trong gia đình. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm mở lần thứ 02 vắng mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Quyết T nhưng Luật sư có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời gửi bản bào chữa cho bị cáo; bị cáo Vũ Quyết T nhất trí đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Luật sư bào chữa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh, điều luật áp dụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian phụ trách Khoa Điều trị bắt buộc - Bệnh viện T13 từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2024, Hà Huy D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp nhận tổng cộng số tiền 886.300.000 (tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của 16 bệnh nhân để chỉ đạo cấp dưới thực hiện trái quy

định trong công tác điều trị bắt buộc, chủ động tạo điều kiện cho các bệnh nhân bắt buộc chữa bệnh ra ngoài khu vực điều trị. Vũ Quyết T đồng phạm giúp sức cho Hà Huy D đồng thời được hưởng lợi số tiền 335.000.000 (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng). Trong giai đoạn điều trị bệnh tại Khoa Điều trị bắt buộc - Bệnh viện T13, bị cáo Trịnh Trọng P 12 lần đưa tổng số tiền 116.000.000 đồng, Thái H5 đưa 02 lần tổng số tiền 30.000.000 đồng và Nguyễn Văn T5 đưa 02 lần tổng số tiền 25.500.000 đồng cho Hà Duy D5 với mục đích được cho ra khỏi khu vực điều trị trái quy định.

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T về tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử các bị cáo Trịnh Trọng P, Thái H5 về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Nguyễn Văn T5 về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt của các bị cáo:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T là rất nghiêm trọng, đã làm trái nhiệm vụ được giao, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn liêm chính của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Hành vi đưa tiền cho bác sỹ trực tiếp điều trị, quản lý khoa của các bị cáo Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5 là nghiêm trọng, đã xâm phạm và làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn, uy tín của cơ quan, tổ chức, xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, cần xét xử nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có vị trí, vai trò thực hiện tội phạm khác nhau nên cần xem xét, đánh giá để xét xử cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Hà Huy D: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình nộp lại đầy đủ số tiền được hưởng lợi; đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; trong thời gian công tác bị cáo được Giám đốc Bệnh viện T13 tặng Giấy khen; gia đình bị cáo có công với cách mạng, thuộc đối tượng gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ được tặng huân chương kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng; sau khi xét xử sơ thẩm đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay còn có cha mẹ đã già yếu, các con còn nhỏ và bị cáo là lao động cơ bản trong gia đình. Như vậy là bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Vũ Quyết T: Bị cáo là người không trực tiếp nhận tiền của các bệnh nhân mà là người phạm tội với vai trò giúp sức; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình nộp đầy

đủ số tiền được hưởng lợi; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có nhiều người được tặng thưởng huân huy chương của Nhà nước; trong quá trình công tác bị cáo được Giám đốc Bệnh viện T13 tặng Giấy khen năm 2021; hiện nay bị cáo còn có cha mẹ già yếu và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động cơ bản nuôi sống gia đình; sau khi bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay còn có cha mẹ đã già yếu, các con còn nhỏ và bị cáo là lao động cơ bản trong gia đình. Ngoài ra, trong quá trình công tác bị cáo được Bộ trưởng Bộ Y và Chủ tịch UBND thành phố H tặng Bằng khen trong phòng chống dịch Covid 19 tại thành phố Hồ Chí Minh và tình tiết này chưa được bản án sơ thẩm xem xét, ghi nhận cho bị cáo. Như vậy là bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Trịnh Trọng P: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bản thân bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố mẹ được tặng thưởng nhiều huân huy chương của Nhà nước; sau khi bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; nộp thêm Giấy khen của UBND xã V về việc có công trong phòng chống dịch Covid 19 tại địa phương, tài liệu về việc gia đình có bác ruột là ông Trịnh Đức C1, ông Trịnh Đức T9 có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương của Nhà nước; hoàn cảnh gia đình bị cáo còn có cha mẹ già yếu, các con còn nhỏ và bị cáo là lao động cơ bản trong gia đình. Như vậy là bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Thái H5: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bản thân bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố đẻ là ông Thái Văn P1 được tặng huy chương kháng chiến và bị phơi nhiễm chất độc hoá học; bị cáo là người có công tham gia chương trình thiện nguyện Áo ấm được Hiệu trưởng Trường Mầm non S2, tỉnh Tuyên Quang xác nhận; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nhờ gia đình nộp án phí hình sự sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình bị cáo có cha mẹ già yếu, các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động chính trong gia đình. Như vậy là bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T5: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bản thân bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố đẻ ông Nguyễn Văn S1 được tặng Huân chương kháng chiến vẻ vang, thờ cúng Liệt sỹ; bản thân bị cáo được UBND xã K, tỉnh Hải Dương tặng giấy khen đã có thành tích trong công tác chống dịch Covid19; hoàn cảnh gia đình bị cáo có cha mẹ già yếu và các con còn nhỏ trong khi bị cáo là lao động cơ bản trong gia đình. Như

vậy là bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật nhưng còn có phần nghiêm khắc; các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tại cấp phúc thẩm một số bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5 để các bị cáo an tâm cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và cộng đồng xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T5, ngày 29/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2011/HS-ST; sau khi bị xét xử sơ thẩm bị cáo nhiều lần được Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, đến ngày 28/12/2023 Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/2023/QĐ-CA và ngày 09/01/2024 Bệnh viện T13 có biên bản tiếp nhận điều trị bệnh cho đến ngày bị cáo bắt tạm giam trong vụ án này là ngày 19/02/2025. Theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Bộ luật Hình sự năm 1999, thời gian người bị bắt buộc chữa bệnh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và chấp hành án được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù; tại Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định chỉ trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành hình phạt tù. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 thì *"các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018"*. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T5 thực hiện hành vi phạm tội, bị xét xử trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 được ban hành nên cần áp dụng các quy định về bắt buộc chữa bệnh tại Bộ luật Hình sự năm 1999 để trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh vào thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo Nguyễn Văn T5.

[2.4] Đối với số tiền các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5 mỗi người đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm được ghi nhận để đối trừ nghĩa vụ thi hành án khoản tiền án phí cho các bị cáo.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, T, Nguyễn Văn T5; sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5, Nguyễn Văn T5. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 787/2025/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T phạm tội "Nhận hối lộ"; các bị cáo Trịnh Trọng P, Thái H5 và Nguyễn Văn T5 phạm tội "Đưa hối lộ".

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hà Huy D 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2024.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Vũ Quyết T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2025.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; các điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trịnh Trọng P 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 44 (bốn mươi bốn) tháng tù theo quyết định của Bản án số 28 ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 - thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 70 (bảy mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2024 (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến ngày 08/01/2021 và thời gian bị áp dụng bắt buộc chữa bệnh từ ngày 16/02/2022 đến ngày 25/4/2025).

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 364; các điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Thái H5 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2025.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 364; các điểm s, q, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2025. Tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2011/HS-ST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; buộc bị cáo phải chấp hành hình

phạt chung của hai bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2025 (được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2011 đến ngày 26/5/2011 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2011/HS-ST ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và thời gian bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T13, theo Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/2023/QĐ-CA ngày 28/12/2023 của Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, từ ngày 09/01/2024 đến ngày 19/02/2025).

2. Ghi nhận các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5 mỗi người đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo các Biên lai thu tiền điện tử số 0003488 ngày 23/3/2026, số 0003408 ngày 20/3/2026, số 0003383 ngày 19/3/2026, số 0003202 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các bị cáo Hà Huy D, Vũ Quyết T, Trịnh Trọng P, Thái H5 và Nguyễn Văn T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- Vụ 1-TANDTC;*
*- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội;*
*- TAND, VKSND, CA, THADS TP Hà Nội;*
*- Trại TG số 1-CATP Hà Nội;*
*- Trại TG số 2-CATP Hà Nội*
*- Các bị cáo (qua Trại TG);*
*- Lưu HSVA, VPTA.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**